

Bản án số: 19/2021/HS-ST
Ngày 19/7/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LẠC - TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Doanh Thị Mây

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Dương Thị Lâu, Giáo viên nghỉ hưu; Trú tại: Tổ dân phố 5, thị trấn Bảo Lạc, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng

Bà Nguyễn Lê Hà Thanh; Chuyên viên Huyện đoàn Bảo Lạc

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Trung Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Mã Hùng Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2021/TLST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2021/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 6 năm 2021 đối với:

Bị cáo **Nông Văn T**, sinh ngày 28 tháng 02 năm 2002

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm PC, xã ĐP, huyện B, tỉnh C

Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Nông Đình C, sinh năm 1973 và bà Đặng Mùi K, sinh năm 1982; Vợ, con: Không có

Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, sau đó tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng từ ngày 01/3/2021 đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

* *Bị hại:* Đặng Thị H, sinh ngày 24/01/2006; Nơi cư trú: Xóm PV, xã HG, huyện B, tỉnh C (Có mặt tại phiên tòa).

* *Người đại diện hợp pháp của bị hại:*

- Bà Triệu Mùi G (mẹ đẻ của bị hại), sinh năm 1988; Nơi cư trú: Xóm PV, xã HG, huyện B, tỉnh C (Vắng mặt tại phiên tòa, có ủy quyền cho ông Đặng Tồn L).

- Ông Đặng Tồn L (bố đẻ bị hại), sinh năm 1987; Nơi cư trú: Xóm PV, xã HG, huyện Bc, tỉnh C (Có mặt tại phiên tòa).

* *Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Nguyễn Thị Dạ TH - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C (Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt).

* *Người làm chứng:* Ông Nông Đình CC, sinh năm 1973; Nơi cư trú: Xóm PC, xã ĐP, huyện B, tỉnh C (Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nông Văn T sinh ngày 28/02/2002, trú tại PC, xã ĐP, huyện B, tỉnh C và Đặng Thị H, sinh ngày 24/01/2006, trú tại xóm PV, xã HG, huyện B, tỉnh C quen biết và có quan hệ tình cảm, yêu đương từ khoảng tháng 10/2020. Vào khoảng 14 giờ ngày 12/01/2021, TH dùng xe máy chở H đi từ xã HG đến chơi tại xã XT, huyện B, tỉnh C và đến khoảng 17 giờ 30 phút quay về đến thị trấn B ăn cơm. Sau đó T nảy sinh ý định đến tối sẽ quan hệ tình dục với H nên T một mình đi bộ mua được một hộp gồm 03 (ba) cái bao cao su nhãn hiệu Durex, sau đó Thắng cùng H đi về. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, cả hai quay về nhà riêng của gia đình T tại BR, xã HD, huyện B, tỉnh C để ngủ. Trước khi vào phòng ngủ tại gian phòng thứ hai trên tầng hai, T đưa hộp bao cao su ra và nói với H “*Tối nay cho anh xin*” mục đích xin quan hệ tình dục với H, lúc đó H nghe thấy nhưng không nói gì rồi cả hai vào phòng ngủ, nằm cạnh nhau T chơi game trên điện thoại còn H nhắn tin. Khoảng 30 phút sau, T nói với H “*Cho anh xin*”, H trả lời “*Thôi, để khi khác*”, vì H chưa đồng ý nên cả hai vẫn nằm cạnh nhau tiếp tục sử dụng điện thoại. Khoảng 15 phút sau, T lại chủ động xin quan hệ tình dục với H, lúc này H không nói gì, nghĩ H đã ngầm đồng ý nên T dùng tay sờ vào vùng ngực của H, khi T đưa tay xuống vùng bụng của H thì H nói “*Để em tự cởi*”, nói xong H tự cởi quần của mình đang mặc ra, lúc đó T lấy một bao cao su đeo vào dương vật đang cương cứng cho vào âm đạo của H và giao cấu đến xuất tinh, sau đó cả hai tự mặc quần vào rồi T đi xuống tầng I vứt bao cao su vào thùng rác rồi lên phòng đi ngủ, lúc đó khoảng 22 giờ ngày 12/01/2021. Đến khoảng 01 giờ sáng ngày 13/01/2021, T lại tiếp tục xin giao cấu với H lần thứ hai và H đồng ý, T đeo bao cao su và giao cấu đến khi xuất tinh, sau đó cả hai đi ngủ. Đến khoảng 04 giờ sáng cùng ngày, T lại tiếp tục giao cấu với H lần thứ ba, quá trình chuẩn bị và giao cấu tương tự như lần đầu và lần thứ hai. Cả ba lần T thực hiện hành vi giao cấu H đều đồng ý, không có phản kháng gì. Đến khoảng 09 giờ sáng ngày 13/01/2021, T đưa H về nhà riêng tại PC, xã ĐP, huyện B, tỉnh C chơi và ở tại đó đến ngày 19/01/2021 trong thời gian đó cả hai không phát sinh quan hệ tình dục lần nào nữa. Ngày 19/01/2021, bố đẻ của H là Đặng Tồn L, sinh năm 1987, trú tại PV, xã HG, huyện B, tỉnh C đã tìm thấy H tại nhà của T ở PC, xã ĐP,

huyện B, tỉnh C. Sau khi đưa H về nhà, H nói cho bố biết đã có quan hệ tình dục với T nên ông L đã trình báo sự việc. Tại thời điểm T và H thực hiện hành vi giao cấu, H được 14 tuổi 11 tháng 19 ngày còn T được 18 tuổi 10 tháng 15 ngày.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa Đặng Thị H khai nhận T và H đã quen biết và có quan hệ tình cảm yêu đương từ khoảng tháng 10/2020 và thường xuyên nhắn tin cho nhau qua ứng dụng Messenger. Ngày 12/01/2021 H và T gặp nhau tại chợ LP, xã HG và cùng nhau đi chơi bằng xe máy của T tại xã XT và đi về theo đường xã KX đến thị trấn B ăn cơm tại quán sau đó T đưa H về nhà riêng của T tại xã HĐ ngủ qua đêm. Tại nhà của T ở xã HĐ trong đêm 12/01/2021 đến rạng sáng ngày 13/01/2021 H và T có quan hệ tình dục với nhau ba lần, cả ba lần H đều tự nguyện đồng ý và T đều sử dụng bao cao su. Sáng ngày 13/01/2021 T đưa H về nhà tại PC, xã ĐP và chiều cùng ngày T đưa H lên trường học rồi lại đón về nhà T ở ĐP và ở đến ngày 19/01/2021, những ngày ở nhà tại xã ĐP, cả hai ngủ cùng nhau nhưng không quan hệ tình dục với nhau lần nào.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa Người đại diện hợp pháp của bị hại ông Đặng Tồn L (bố đẻ của bị hại) trình bày: Sau nhiều ngày liên lạc với con không được ông đã đi tìm, đến ngày 19/01/2021 ông tìm thấy con gái ruột là Đặng Thị H, sinh ngày 24/01/2006 ở nhà riêng của Nông Văn T tại xóm PC, xã ĐP, huyện B. Sau khi tra hỏi H thừa nhận ngày 12/01/2021 H và T đã có quan hệ tình dục với nhau tại nhà riêng của T ở xóm BR, xã HĐ, huyện B. Thấy hành vi quan hệ tình dục của T và H khi H chưa đủ 16 tuổi nên ông đã trình báo cơ quan Công an. Nay ông yêu cầu xử lý T theo quy định của pháp luật và đề nghị T phải bồi thường cho gia đình ông một khoản tiền bao gồm các khoản chi phí cụ thể gồm (chi phí giám định + xăng xe, điện thoại đi tìm con + đi lại giám định, đến làm việc với cơ quan Công an + bồi thường danh dự cho H và cho gia đình). Tổng các khoản gồm 14.200.000đ (Mười bốn triệu hai trăm nghìn đồng).

Quá trình điều tra người làm chứng ông Nông Đình CC (bố đẻ của bị cáo) trình bày: Sáng ngày 13/01/2021, con trai ông là Nông Văn T có đưa Đặng Thị H về nhà chơi và giới thiệu là người yêu, sau đó H có ở lại nhà ông tại PC, xã ĐP và ngủ cùng phòng với T còn T và H có quan hệ tình dục với nhau hay không ông không biết, việc T và H có quan hệ tình dục với nhau tại nhà riêng của vợ chồng ông tại BR, xã HĐ hay không ông cũng không nghe T kể nên không biết.

Ngày 26/01/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Lạc tiến hành trưng cầu giám định. Tại Bản kết luận giám định pháp y về tình dục số: 002/21/TD ngày 03/02/2021 của Trung tâm pháp y- Sở Y Tế tỉnh Cao Bằng kết luận: *“1. Dấu hiệu chính qua giám định:*

- *Rách cũ màng trinh ở các vị trí 2h, 3h, 5h, 7h và 8h.*
- *Trên thân thể nạn nhân không có dấu vết tổn thương ngoài các vết rách cũ màng trinh.*

2. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do rách cũ màng trinh là 0%. Trong bảng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể ban hành kèm theo Thông tư số: 22/2019/TT, ngày 28/8/2019 của Bộ Y Tế không có quy định đánh giá tổn thương cơ thể đối với các vết rách màng trinh”

Tại bản Cáo trạng số 13/CT-VKSBL ngày 28/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng đã truy tố bị cáo Nông Văn T về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 145 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nông Văn T theo như bản Cáo trạng đã nêu. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 145; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Nông Văn T phạm tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”. Xử phạt bị cáo với khung hình phạt từ 03 (ba) đến 04 (bốn) năm tù

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, cân nhắc các khoản bồi thường theo quy định của pháp luật.

Về vật chứng của vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả lại cho bị cáo Nông Văn T một điện thoại VIVO Y11 màu xanh (màn hình đã bị vỡ) có số IMEL1: 861325043243095, số IMEL2: 861325043243087 điện thoại cũ đã qua sử dụng; Trả lại cho bị hại Đặng Thị H một điện thoại Xiaomi Redmi Go màu đen có số IMEL1: 864750046381005, số IMEL2: 864750046381013 điện thoại cũ đã qua sử dụng.

Người bào chữa cho bị cáo bà Nguyễn Thị Dạ TH - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C có văn bản trình bày quan điểm bào chữa:

Sau khi nghiên cứu các bản cung, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh, điều luật đã truy tố. Bị cáo đã có hành vi xâm phạm đến sức khỏe và sinh lý của trẻ em trong độ tuổi từ 13 đến 16 tuổi do vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến điều kiện, hoàn cảnh dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo T và Đặng Thị H quen biết và yêu nhau qua mạng xã hội từ khoảng tháng 10 năm 2020, ngày 12/01/2021 T đưa H đi chơi và đưa về ngủ qua đêm tại nhà T, H đều đồng ý. Trong đêm 12/01/2021 đến rạng sáng ngày 13/01/2021, T thực hiện quan hệ tình dục với H 03 lần H đều đồng ý. Quá trình quen nhau, H không cho T biết về tuổi thật của mình, tạo thuận lợi cho hành vi giao cấu của T, dẫn đến chính bản thân T cũng không ý thức được mình đang thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "người bị hại cũng có lỗi" theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo. Bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, tuổi còn trẻ, nhận thức pháp luật và hiểu biết xã hội có nhiều hạn chế, quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình do vậy đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ "Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" quy định tại điểm s, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, quá trình điều tra bị cáo Nông Văn T nhất trí bồi thường cho bị hại số tiền số tiền 14.200.000đ (Mười bốn triệu hai trăm nghìn đồng) tuy nhiên thời gian vừa qua bị bắt giam nên bị cáo chưa thể thực hiện việc bồi thường được, gia đình bố mẹ bị cáo không có điều kiện, khả năng hỗ trợ bị cáo trong việc bồi thường thiệt hại. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến hoàn cảnh của bị cáo và yêu cầu của bị hại đưa ra một mức bồi thường hợp lý, trên cơ sở hợp lệ và có căn cứ theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng và các tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức thấp nhất của khung hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo Nông Văn T nhận thấy hành vi của mình là sai, là vi phạm pháp luật xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Nông Văn T thừa nhận bản Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là đúng.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền được bảo vệ về thân thể, nhân phẩm, danh dự của người khác, vi phạm đến truyền thống văn hóa, đạo đức xã hội. Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp, mục đích, động cơ thực hiện hành vi là nhằm thỏa mãn nhu cầu tình dục của bản thân. Thời điểm T thực hiện hành vi giao cấu với H, H được 14 tuổi 11 tháng 19 ngày còn T được 18 tuổi 10 tháng 15 ngày. Hành vi của bị cáo đã gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội ở địa phương nên cần xử lý nghiêm khắc để làm gương cho người khác, phục vụ công tác phòng ngừa, đấu tranh chống loại tội phạm này.

"Điều 145 Tội giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi

1. Người nào đủ 18 tuổi trở lên mà giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan

hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 142 và Điều 144 của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ 01 đến 05 năm

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 đến 10 năm.

a) Phạm tội 02 lần trở lên; b) ...”

Như vậy, hành vi của bị cáo Nông Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi

Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo Nông Văn T về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” theo điểm a khoản 2 Điều 145 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân; Tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Bị cáo Nông Văn T sinh ra và lớn lên tại xã ĐP, huyện B, tỉnh C. Bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, có sức khỏe, được sống trong môi trường xã hội lành mạnh. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai, là vi phạm pháp luật. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận về hành vi của mình, ăn năn hối lỗi nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với luận cứ bào chữa của người bào chữa của bị cáo cho rằng "bị hại cũng có lỗi" vì bị hại H đã che dấu tuổi thật, có tình cảm yêu đương và tự nguyện, tạo thuận lợi cho T thực hiện hành vi giao cấu. Hội đồng xét xử xét thấy bị hại Đặng Thị H là trẻ vị thành niên, nhận thức chưa phát triển đầy đủ nên đã không biết tự bảo vệ bản thân mình mà vô ý để bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên không áp dụng tình tiết giảm nhẹ "bị hại cũng có lỗi" đối với bị cáo.

Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cần thiết phải xử lý mức hình phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, cải tạo bị cáo cũng như răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị hại Đặng Thị H đưa ra yêu cầu đề nghị bị cáo Nông Văn T phải bồi thường thiệt hại bao gồm các chi phí trong phát sinh khi xảy ra sự việc và bồi thường danh dự, nhân phẩm với một khoản tiền là 14.200.000đ (Mười bốn triệu hai trăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa bị cáo không chấp nhận bồi thường vì cho rằng việc bị cáo giao cấu với bị hại là do sự tự nguyện, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

Việc bồi thường được xác định về lỗi trên cơ sở những chi phí hợp lý và hóa đơn chứng từ hợp lệ. Trong vụ án này bị cáo Nông Văn T là người có lỗi nên

buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường toàn bộ các khoản chi phí hợp lý cho bị hại Đặng Thị H và người đại diện hợp pháp của bị hại.

Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu bồi thường của bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại là chính đáng, tuy nhiên cần xem xét các chi phí hợp lý, có căn cứ. Các chi phí cụ thể được Hội đồng xét xử xem xét như sau:

- Tiền xe đi và về từ xã HG đến thành phố C đi giám định tại Trung tâm pháp y tỉnh Cao Bằng (02 người): Tổng cộng là 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng);

- Tiền mất thu nhập trong thời gian đi tìm Đặng Thị H và đi giám định pháp y của ông Đặng Tồn L là 07 ngày x 200.000 đồng/01 ngày = 1.400.000đ (Một triệu bốn trăm nghìn đồng);

- Tiền thuê nhà nghỉ trong thời gian đi giám định sức khỏe tại C 02 người /01 ngày là 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng);

- Khoản chi phí Giám định tư pháp của Trung tâm giám định Pháp y tỉnh C là 1.345.000 đ (Một triệu ba trăm bốn mươi năm nghìn đồng);

- Chi phí xăng xe và điện thoại trong thời gian đi tìm Đặng Thị H của ông Đặng Tồn L 05 ngày là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng);

- Khoản bồi thường tổn thất về tinh thần cho bị hại Đặng Thị H quy định tại khoản 2 Điều 592 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *"...mức bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì mức tối đa cho một người có danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm không quá 10 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định"*. Do đó, căn cứ vào thiệt hại về tổn thất về tinh thần mà bị hại phải gánh chịu buộc bị cáo phải bồi thường một khoản tiền tổn thất về tinh thần đối với bị hại bằng 05 tháng lương cơ sở: 05 x 1.490.000 đồng = 7.450.000đ (Bảy triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng)

Tổng cộng các khoản chi phí hợp lý được tính là 11.495.000đ (Mười một triệu bốn trăm chín mươi năm nghìn đồng)

Đối với các yêu cầu khác của người đại diện hợp pháp của bị hại không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không xem xét, chấp nhận.

[5] Vật chứng của vụ án bao gồm: Một điện thoại VIVO Y11 màu xanh (màn hình đã bị vỡ) có số IMEL1: 861325043243095, số IMEL2: 861325043243087 điện thoại cũ đã qua sử dụng, thu giữ của Nông Văn Thắng; Một điện thoại Xiaomi Redmi Go màu đen có số IMEL1: 864750046381005, số IMEL2: 864750046381013 điện thoại cũ đã qua sử dụng, thu giữ của Đặng Thị H. Xét thấy không liên quan đến hành vi phạm tội xét cần trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của Pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 145 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Tuyên bố bị cáo Nông Văn T phạm tội "Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi".

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 145; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Xử phạt bị cáo Nông Văn T 03 (Ba) năm tù, thời gian thụ hình được tính từ ngày bị cáo bị bắt 01/3/2021.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 592 Bộ luật dân sự 2015.

Buộc bị cáo Nông Văn T phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Đặng Thị H; Người đại diện hợp pháp của bị hại ông Đặng Tồn L, trú tại xóm PV, xã HG, huyện B, tỉnh C một khoản tiền là 11.495.000đ (Mười một triệu bốn trăm chín mươi năm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với từng khoản tiền nêu trên cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh do chậm trả của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Trả lại cho Nông Văn T một điện thoại VIVO Y11 màu xanh (màn hình đã bị vỡ) có số IMEL1: 861325043243095, số IMEL2: 861325043243087 điện thoại cũ đã qua sử dụng;

Trả lại cho Đặng Thị H một điện thoại Xiaomi Redmi Go màu đen có số IMEL1: 864750046381005, số IMEL2: 864750046381013 điện thoại cũ đã qua sử dụng.

Toàn bộ vật chứng đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh C theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày số 22 ngày 04 tháng 5 năm 2021.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nông Văn T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền 11.495.000 đồng x 5% = 574.750đ (Năm trăm bảy mươi tư nghìn bảy trăm năm mươi đồng) nộp công quỹ nhà nước.

Án xử sơ thẩm có mặt bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại. Bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- *TAND tỉnh;*
- *VKSND tỉnh; VKSND huyện;*
- *Chi cục THADS huyện;*
- *Công an huyện; Nhà tạm giữ;*
- *Sở Tư pháp;*
- *Bị cáo;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *UBND xã ĐP;*
- *Lưu.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

DOANH THỊ MÂY